

CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG KẾ HOẠCH CHO TƯƠNG LAI LẦN THỨ BA Ở MALAIXIA (OPP3-2001-2010)

NGUYỄN VĂN HÀ*

Năm 2001, Chính phủ Malaixia đã công bố triển khai Chính sách phát triển quốc gia hay Kế hoạch cho tương lai 3 (OPP3) thời kỳ 2001-2010. Cũng như hai kế hoạch trước, mục tiêu chủ yếu của Malaixia trong OPP3 là phấn đấu “Xây dựng một xã hội đoàn kết và công bằng”, trong đó chiến lược phát triển chủ yếu sẽ là kết hợp tăng trưởng kinh tế với cải thiện phân phối thu nhập và công bằng xã hội. OPP3 vẫn dựa chủ yếu vào hai mục tiêu của chính sách kinh tế mới (NEP) là thủ tiêu đói nghèo, không phân biệt tộc người và kết cấu lại xã hội trong điều kiện duy trì tăng trưởng kinh tế cao. Bài viết dưới đây sẽ trình bày nội dung thực hiện công bằng xã hội trong OPP3, trong kế hoạch Malaixia thứ 9 (NMP) 2006-2010 và một số kết quả đạt được những năm gần đây.

I. NHỮNG MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU NHẪM THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG OPP3 VÀ NMP

Trước hết, cần phải khẳng định rằng, quan điểm toàn diện về công bằng xã hội của Malaixia là nhằm đảm bảo cho mọi người dân có thể tham gia vào quá trình tăng trưởng kinh tế, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để mọi người dân có thể được hưởng những thành quả của sự tăng trưởng đó, góp phần xây dựng một xã hội thịnh vượng, tiến bộ và công bằng. Trong bối cảnh của OPP3, công bằng xã hội được tập trung vào việc thực hiện các mục tiêu phân phối trước, trong và sau các hoạt động kinh tế nhằm đảm bảo sự tham gia một cách công bằng và bình đẳng giữa các tộc người và trong nội bộ một cộng đồng tộc người. Theo đó, các chương trình kết cấu lại xã hội và cải thiện cơ chế phân phối được xem là những biện pháp mới. Đặc biệt, nhà nước chú trọng đảm bảo sự tham gia một cách đầy đủ và vững chắc của Người Bumiputera vào nền kinh tế. Kế hoạch sẽ dựa vào chính sách giảm đói nghèo và kết cấu lại xã hội trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế nhanh nhằm đạt được

* Nguyễn Văn Hà, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

các mục tiêu đoàn kết và thống nhất quốc gia. Cụ thể, Chiến lược và chính sách sẽ tập trung vào việc tăng thu nhập và chất lượng sống cho nhóm người nghèo và nhóm thu nhập thấp. Tuy nhiên, OPP3 sẽ dựa trên cách tiếp cận rộng lớn hơn bằng cách dành các ưu tiên đầu tư cho các nhóm người bất lợi thế và những cư dân sống ở vùng xa xôi. Trong khi chính sách kết cấu lại sẽ tập trung vào việc điều chỉnh lại những mất cân đối giữa các cộng đồng tộc người, nâng cao vị thế của Người Bumiputera trong đời sống kinh tế của đất nước. OPP3 cố gắng thúc đẩy sự tham gia của người Bumiputera vào quá trình hoạt động công-thương nghiệp, vào sự phát triển của nền kinh tế tri thức. Để thực hiện các chính sách về phân phối, OPP3 đề ra các *mục tiêu* chủ yếu sau: (i) Thủ tiêu hoàn toàn đói nghèo và nâng cao mức sống của 30% số hộ gia đình có mức thu nhập thấp nhất trong mỗi cộng đồng tộc người. (ii) Tăng qui mô của nhóm có mức thu nhập trung bình. Malaixia chủ trương tạo ra một tầng lớp trung lưu chiếm vị trí ngày càng lớn trong xã hội, có địa vị kinh tế và chính trị trong đời sống của đất nước. (iii) Phấn đấu để người Bumiputera sở hữu ít nhất 30% cổ phần vào năm 2010. (iv) Tạo ra giới doanh nhân Bumiputera có tính tự cường thông qua thành lập Cộng đồng công thương nghiệp Mã Lai. (v) Đảm bảo cho lực lượng lao động có việc làm trong nền kinh tế phù hợp với cơ cấu tộc người, cải thiện chất lượng cuộc sống cho mọi người Malaixia. Bên cạnh đó, để đạt được các mục tiêu phát triển cân đối, Malaixia đang nỗ lực để làm giảm bất bình đẳng giữa các bang giàu với các bang nghèo. Tương tự, trong

kế hoạch Malaixia thứ 9 2006-2010, chính sách phát triển của chính phủ dựa trên những cam kết đảm bảo lợi ích của tầng trưởng được chia sẻ một cách công bằng cho mọi người dân Malaixia. Trong đó, phân phối thu nhập và tạo ra của cải là điều kiện cơ bản cho tầng trưởng kinh tế bền vững cũng như đảm bảo sự ổn định xã hội và thống nhất quốc gia.

Để thực hiện các mục tiêu về công bằng xã hội nêu trên, *những giải pháp chính sách* của chính phủ được tập trung vào những điểm chính như sau: Thứ nhất: Tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng, qua đó mở rộng qui mô kinh tế, tăng việc làm. Đây được xem như là nền tảng chủ yếu cho việc thực hiện các mục tiêu về công bằng xã hội: giảm đói nghèo và cải thiện phân phối thu nhập. Thứ hai: Tập trung phát triển nông nghiệp và nông thôn là hướng chính sách quan trọng thứ hai trong quá trình thực hiện công bằng xã hội. Thứ ba: Phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo, bao gồm từ việc đầu tư lớn hơn cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, cải tiến chương trình giảng dạy cho đến các biện pháp nhằm tăng khả năng tiếp cận với giáo dục và đào tạo cho các đối tượng, nhất là các đối tượng nghèo và nhóm thu nhập thấp thông qua các chính sách ưu đãi khác nhau. Thứ tư: Tiếp tục chương trình kết cấu lại cổ phần trong khu vực kinh doanh mà hai kế hoạch trước chưa hoàn thành. Việc kết cấu lại vốn cổ phần trong điều kiện mới được thực hiện thông qua sự tham gia của cộng đồng Bumiputera vào nền kinh tế đang được mở rộng với sự trợ giúp về tài chính thông qua sự phát triển của các quỹ và các chương trình đào tạo và trợ giúp cho các

doanh nhân. Thứ năm: Phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ xã hội. Việc nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và các tiện nghi xã hội là một trong những biện pháp dài hạn để thủ tiêu đói nghèo và cải thiện chất lượng cuộc sống.

Về chính sách giảm nghèo, đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo là ưu tiên hàng đầu, qua đó, tạo điều kiện cho người nghèo có thể tiếp cận với các cơ hội việc làm ngày càng mở rộng sẽ là nhân tố chủ yếu giúp họ thoát nghèo. Bên cạnh đó, các chương trình tín dụng ưu đãi cũng là một trong các nhân tố giúp người nghèo có được nguồn vốn phát triển sản xuất. Chính phủ cũng cam kết đảm bảo cho nhóm người nghèo và thu nhập thấp sẽ được đáp ứng đầy đủ các điều kiện cơ sở hạ tầng về điện, nước sạch, giao thông, thông tin, chương trình nhà ở chi phí thấp, các chương trình và dịch vụ y tế công, đảm bảo về chế độ dinh dưỡng. Để thực hiện tốt các chính sách, nhà nước tiến hành phân loại các đối tượng nghèo đói ở các khu vực khác nhau, đặc biệt chú trọng đối với các đối tượng nghèo ở các vùng xa xôi và các nhóm tộc người bất lợi như Orang Asli và các nhóm dân tộc thiểu số Bumiputera ở Sabah và Sarawak. Cuối cùng, Malaixia cũng đặc biệt quan tâm đến các đối tượng cực nghèo. Đây là đối tượng gặp phải rất nhiều bất lợi trong cuộc sống và khả năng thoát nghèo của họ cực kỳ khó khăn.

Vấn đề cơ bản thứ hai của công bằng xã hội trong phát triển là **việc quan tâm đến sự phát triển của phụ nữ**. Chiến lược thúc đẩy sự phát triển của phụ nữ sẽ được tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau: (i) Thúc đẩy sự tham gia lớn hơn của

lực lượng lao động nữ trong nền kinh tế. (ii) Tăng các cơ hội giáo dục và đào tạo cho phụ nữ. (iii) Thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. (iv) Tiếp tục xem xét lại các điều luật và qui định để cải thiện và nâng cao địa vị của chị em phụ nữ, cải thiện hơn nữa tình trạng sức khỏe và cuộc sống của phụ nữ, giảm đói nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống của phụ nữ... Về giáo dục và đào tạo, các chính sách sẽ tập trung vào việc nâng cao tỉ lệ học sinh nữ trong tất cả các cấp học, nhất là đại học, cao đẳng và dạy nghề. Chính phủ đã thực hiện các chương trình đào tạo tay nghề và doanh nghiệp cho các đối tượng là nữ bao gồm chương trình hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, phát triển kinh tế nông nghiệp. Về chăm sóc sức khỏe, phụ nữ tiếp tục được hưởng các lợi ích từ việc cải thiện các dịch vụ chăm sóc y tế của nhà nước: chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, chương trình giáo dục sức khỏe và dinh dưỡng. Nhà nước cũng chú ý đến các chương trình giáo dục truyền thông, thông tin nhằm nâng cao nhận thức và phòng ngừa lây nhiễm các loại dịch bệnh trong cộng đồng cho phụ nữ.

Vấn đề quan trọng thứ ba về công bằng xã hội là việc quan tâm đến thế hệ trẻ Malaixia trong quá trình phát triển. **Chương trình phát triển cho thanh niên** nhằm trang bị cho họ kiến thức và kỹ năng cần thiết, đáp ứng những thách thức của quá trình phát triển kinh tế và toàn cầu hoá. Chương trình phát triển thanh niên sẽ tập trung vào việc nâng cao vai trò của họ trong xã hội trong quá trình xây dựng và thống nhất quốc gia bao gồm nâng cao khả năng tiếp cận với giáo dục và đào

tạo cho thanh niên, nâng cao khả năng tham gia vào đời sống kinh tế xã hội như phát triển doanh nghiệp, tăng cường năng lực quản lý, nâng cao nhận thức chính trị và liên kết xã hội trong thanh niên...

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong 5 năm đầu của kế hoạch OPP3, Malaixia cũng chỉ đạt được thành tựu trong việc giảm đói nghèo và cải thiện phân phối thu nhập trên một số khía cạnh như giảm sự khác biệt giữa ba cộng đồng tộc người.

Về phân phối thu nhập, tình hình dường như trở nên xấu hơn trong thời kỳ 1999-2004 với hệ số Gini tăng từ 0,452 lên 0,462. Phần thu nhập của 40% số hộ có thu nhập thấp nhất đã giảm từ 14% năm 1999 xuống 13,5% năm 2004. Trong khi đó, thu nhập của 20% hộ gia đình có mức thu nhập cao nhất đã tăng từ 50,5% lên 51,2% cùng thời kỳ nêu trên. Về phân phối thu nhập theo cộng đồng tộc người, cả ba cộng đồng tộc người đều có hệ số Gini tăng trong thời kỳ từ 1999 đến 2004. Trong đó, Cộng đồng Người Mã Lai vẫn là cộng đồng có mức độ bất bình đẳng cao nhất với Hệ số Gini tăng từ 0,433 lên 0,452. Phân phối thu nhập xét theo khu vực thành thị và nông thôn thì lại cho bức tranh tương phản, trong khi ở thành thị phân phối thu nhập xấu đi thì ở nông thôn lại được cải thiện hơn. Tuy nhiên, nếu nhìn vào tỉ lệ tăng trưởng thu nhập trung bình thời kỳ 2000-2004 thì có thể thấy, tốc độ tăng của khu vực nông thôn rất chậm chỉ có 0,3%. Điều này cho thấy, việc hệ số Gini giảm ở nông thôn không phải là một tín hiệu cho thấy phân phối thu nhập đã được cải thiện. Về

chương trình kết cấu lại việc làm, phần việc làm của Người Bumiputera trong các nghề nghiệp quản lý và quan chức chuyên môn còn thấp. Tỉ lệ Người Bumiputera trong các nghề nghiệp như nghệ sĩ, nhà văn, giáo viên, kế toán... còn thấp so với cơ cấu tộc người cũng như thấp hơn so với hai cộng đồng Người Hoa và Ấn. Trong khi đó, việc kết cấu lại vốn cổ phần trong khu vực kinh doanh cũng không đạt được bất cứ sự tiến bộ nào khi cổ phần của Người Mã Lai đã giảm trong thời kỳ khủng hoảng từ 20,5% năm 1995 xuống 18,9% năm 1999 và vẫn giữ nguyên ở con số trên trong thời kỳ 2000-2004. Điều này cho thấy mục tiêu kết cấu lại vốn cổ phần trong khu vực kinh doanh được đặt ra trong OPP3 là rất khó thực hiện (xem bảng 1).

Về cuộc chiến chống đói nghèo, với những cố gắng của chính phủ, tình trạng đói nghèo ở Malaixia đã được giảm căn bản. Trong thời kỳ 1999-2004, tỉ lệ đói nghèo đã giảm từ 8,5% xuống 5,7%, với tỉ lệ giảm cho cả hai khu vực nông thôn và thành thị. Tuy nhiên, xét về con số tuyệt đối, số hộ đói nghèo tuy giảm từ 409.300 hộ xuống còn 311.300 hộ nhưng số hộ nghèo của hai khu vực lại khác nhau, trong khi ở nông thôn giảm thì số hộ ở thành thị lại tăng lên trong thời kỳ. Mặt khác, khi xét đến đối tượng cực nghèo thì tỉ lệ nghèo đói cũng được cải thiện và nếu tính theo số hộ thì ở khu vực thành thị cũng tăng lên trong thời kỳ trên (xem bảng 2). Trong thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ 8, nhà nước chi phí 589,5 triệu RM cho các đối tượng cực nghèo trong chương trình phát triển vì sự phồn thịnh tại các dự án kinh tế và xã hội khác nhau. Đối với Người Orang Asli, chính phủ cũng đã có

Bảng 1: Tổng thu nhập hộ gia đình tháng của ba cộng đồng tộc người và Hệ số Gini cho năm 1999 và 2004

Nhóm tộc người	Theo giá cố định năm 1999		Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm (%) 2000 - 2004	Hệ số Gini	
	1999	2004		1999	2004
Bumiputera	1984	2522	4,9	0,433	0,452
Hoa	3456	4127	3,6	0,434	0,446
Ấn Độ	2702	3215	3,5	0,413	0,425
Người khác	1371	2150	9,4	0,393	0,462
Malaixia	2472	3022	4,1	0,452	0,462
Thành thị	3103	3680	3,5	0,432	0,444
Nông thôn	1718	1744	0,3	0,421	0,397

Nguồn: Department of Statistics- Household Income Surveys, 1999 and 2004

Bảng 2: Tình trạng đói nghèo và cực nghèo 1999 và 2004

		1999			2004		
		Malaixia	thành thị	nông thôn	Malaixia	thành thị	nông thôn
Đối tượng cực nghèo							
Tỷ lệ	(%)	1,9	0,5	3,6	1,2	0,4	2,9
số hộ	'000	91,7	11,9	79,8	67,3	14,1	53,2
Tình trạng đói nghèo							
Tỷ lệ	(%)	8,5	3,3	14,8	5,7	2,5	11,9
Số hộ	'000	409,3	86,1	323,2	311,3	91,6	219,7
Tổng số hộ	'000	4800,0	2612,5	2187,5	5459,4	3605,9	1853,5

Nguồn: Economic Planning Unit and Department of Statistics- Household Income Surveys, 1999 and 2004

các chính sách nhằm cải thiện đời sống cho nhóm người này thông qua các chương trình kinh tế xã hội như giáo dục, đào tạo nghề, cung cấp các phương tiện cơ sở hạ tầng, cung cấp điện, nước...

Xét theo cơ cấu tộc người, tình trạng đói nghèo tuy giảm nhưng mức độ giảm lại hoàn toàn khác nhau giữa các sắc tộc trong thời kỳ 1999-2004. Trong khi tỷ lệ

đói nghèo của người Hoa giảm nhanh hơn thì tỷ lệ đói nghèo của Người Bumiputera và Người Ấn lại giảm chậm hơn, thậm chí không giảm cho cả khu vực nông thôn và thành thị và Người Bumiputera vẫn là tộc người có tỷ lệ nghèo đói cao nhất. Tương tự, tỷ lệ đối tượng cực nghèo cũng giảm nhưng người Hoa vẫn là tộc người giảm nhanh trong khi các tộc người còn lại

giảm chậm hơn. Đặc biệt số đối tượng cực nghèo của tộc người Bumiputera vẫn là cao nhất trong ba cộng đồng sinh sống ở Malaixia (xem bảng 3). Nhìn chung, nguyên nhân chủ yếu của nghèo đói trong cộng đồng Người Mã Lai là do kỹ năng lao động và trình độ giáo dục thấp.

Những thành tựu về cải thiện phân phối thu nhập và giảm đói nghèo nêu trên gắn liền với những thành công trong chính sách phát triển giáo dục và đào tạo. Trong thời kỳ 2000-2005, số học sinh ở tất cả các cấp từ mẫu giáo đến đại học, cao đẳng và dạy nghề tăng lên nhanh. Trong đó đáng kể nhất là mức tăng nhanh chóng của số lượng sinh viên các trường đại học từ 95.544 năm 2000 lên 199.636 năm 2005, hay tăng 111,2% và số học sinh các trường sư phạm cũng tăng ở mức 46% cùng thời kỳ. Trong những năm 2000-2005, số trường đại học và cao đẳng cũng tăng nhanh ở Malaixia, kể cả các trường công và trường tư. Trong đó, các cơ sở giáo dục của nhà nước tăng từ 22 lên 51, với số trường bách khoa tăng từ 11 lên 20 và số

trường cao đẳng cộng đồng mới được thành lập là 34. Các cơ sở giáo dục của tư nhân tăng chủ yếu là các trường đại học từ 5 lên 11, với 11 trường cao đẳng trực thuộc mới được thành lập. Những thành tựu trong phát triển giáo dục và đào tạo cũng tạo tiền đề nâng cao chất lượng của lực lượng lao động và tạo ra các cơ hội việc làm trong nền kinh tế. Năm 2005, lực lượng lao động là 11,3 triệu người và chất lượng ngày càng được cải thiện với việc gia tăng số lao động có trình độ đại học từ tỉ lệ 13,9% năm 2000 lên 20,0% năm 2005. Nền kinh tế với việc làm ngày càng tăng nên tỉ lệ thất nghiệp giảm còn 3,5% năm 2005. Số lượng việc làm tăng trung bình 3,3% mỗi năm trong thời kỳ 2001-2005 với số lượng 1,6 triệu việc làm mới được tạo ra.

Về vấn đề bình đẳng giới, Malaixia cũng đạt được nhiều thành công trong việc cải thiện và nâng cao vai trò của phụ nữ, trước hết là trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, kể đến là tham gia vào quá trình phát triển. Phụ nữ được tiếp cận bình đẳng với các cơ hội giáo dục: Số học sinh

Bảng 3: Tình trạng đói nghèo và cực nghèo tính theo cơ cấu tộc người 1999 và 2004

	1999			2004		
	Bumiputera	Hoa	Ấn Độ	Bumiputera	Hoa	Ấn Độ
Đối tượng cực nghèo	2,9	0,2	0,3	1,9	0,1	0,3
Thành thị	0,7	0,1	0,2	0,7	0,05	0,2
Nông thôn	4,4	0,4	0,5	3,3	0,3	0,5
Tổng số đối nghèo	12,4	1,2	3,5	8,3	0,6	2,9
Thành thị	5,1	0,8	2,4	4,1	0,4	2,4
Nông thôn	17,5	2,7	5,8	13,4	2,3	5,4

Nguồn: *Economic Planning Unit and Department of Statistics- Household Income Surveys, 1999 and 2004*

nữ trong các trường tiểu học và trung học chiếm 1/2 tổng số học sinh năm 2005; Tỷ lệ sinh viên nữ trong các trường đại học công tăng từ 61% năm 2000 lên 63,4% năm 2005. Tuy nhiên, ở cấp sau đại học, số học sinh nữ chỉ chiếm 48,8% và 35,7% cho mỗi cấp Thạc sĩ và Tiến sĩ. Về đào tạo, để giúp phụ nữ có lợi thế trong các cơ hội tìm kiếm việc làm trên thị trường lao động, Malaixia đã thực hiện các chương trình đào tạo tay nghề và doanh nghiệp cho các đối tượng là nữ. Khoảng 3000 nữ doanh nghiệp được hưởng lợi từ các khoá học. Học viện MARA - Hội đồng bảo hộ dân Bản địa cũng thực hiện các chương trình đào tạo cho 8000 phụ nữ. Về trợ giúp tài chính, trong những năm qua đã có nhiều chương trình trợ giúp khác nhau để hỗ trợ cho phụ nữ trở thành các doanh nhân. Trong Chương trình Hỗ trợ ngành nghề quốc gia (Yayasan Tekun Nasional), đã có khoảng 200 triệu RM là khoản cho vay để cung cấp cho 46.000 phụ nữ tham gia phát triển doanh nghiệp. Ngân hàng Simpanan Nasional cũng cung cấp một khoản cho vay trị giá lên tới 446 triệu RM cho khoảng 49000 doanh nghiệp nữ. Thông qua chương trình tín dụng nhỏ, ngân hàng Pertanian Malaysia cũng đã cung cấp một khoản cho vay trị giá 55,9 triệu RM cho 5600 phụ nữ... Trong thời kỳ 2000-2005, số lượng lao động nữ đã tăng từ 3,3 triệu lên 3,9 triệu người, với tỉ trọng tăng từ 44,7% lên 45,7% trong tổng lực lượng lao động. Phụ nữ chủ yếu tham gia làm việc ở các ngành công nghiệp chế tạo, bán buôn, bán lẻ và nông nghiệp. Số lao động nữ được sử dụng trong các ngành được trả lương cao hơn ngày càng và ngược lại lao động nữ trong các ngành

trả lương thấp ngày càng giảm mà nguyên nhân chủ yếu là do chất lượng giáo dục được cải thiện. Tỷ trọng phụ nữ trong số các quan chức cấp cao và nhà quản lý đã tăng từ 4,8% năm 2000 lên 5,4% năm 2005, đó là các nghề như bác sĩ, luật sư, kiến trúc sư...

KẾT LUẬN

Quá trình thực hiện công bằng xã hội ở Malaixia đã trải qua ba thời kỳ phát triển, từ OPP1-OPP3 với khoảng thời gian gần 40 năm. Cũng như các thời kỳ trước, những thành công ban đầu OPP3 được thể hiện rõ rệt nhất ở việc hạn chế tình trạng bất bình đẳng (làm cho quá trình này không xấu đi), đặc biệt là thu hẹp khoảng cách phát triển giữa ba cộng đồng tộc người sinh sống chủ yếu ở Malaixia, giảm đói nghèo, nâng cao vai trò của phụ nữ, quan tâm đến phát triển của con người, qua đó góp phần vào việc thực hiện mục tiêu đoàn kết xã hội và thống nhất quốc gia. Vấn đề tồn tại lớn nhất, dai dẳng nhất về thực hiện công bằng xã hội ở Malaixia hiện tại và trong tương lai chắc chắn vẫn là sự khác biệt và bất bình đẳng giữa ba cộng đồng tộc người sinh sống chủ yếu ở nước này là Mã Lai, Trung Quốc, Ấn Độ: Khác biệt về sở hữu vốn cổ phần trong các công ty kinh doanh, khác biệt về nghề nghiệp và việc làm; Điều này cũng dẫn đến những khác biệt về thu nhập và của cải giữa các cộng đồng. Trong đó, người Hoa vẫn là cộng đồng người sở hữu vốn cổ phần lớn nhất và người Mã Lai là nhóm người sở hữu vốn cổ phần thấp nhất so với cơ cấu tộc người. Mặt khác, người Mã Lai cũng là tộc người có tỉ lệ nghèo đói cao nhất trong ba cộng đồng tộc người. Vấn đề

tồn tại thứ hai trong thực hiện công bằng xã hội ở Malaixia là vấn đề bất bình đẳng và khác biệt giữa các vùng, miền, giữa thành thị và nông thôn. Cuối cùng, vấn đề tồn tại đáng quan tâm nữa đó là trong khi Malaixia chú trọng đến việc thu hẹp khoảng cách giữa ba cộng đồng tộc người thì lại chưa giải quyết được sự khác biệt trong nội bộ một cộng đồng tộc người. Có thể thấy, cộng đồng người Mã Lai vẫn là cộng đồng có chỉ số bất bình đẳng cao nhất khi có Hệ số Gini cao nhất và có tỉ lệ nghèo đói cao nhất trong ba cộng đồng.

Những tồn tại trên đây cho thấy, việc giải quyết triệt để công bằng xã hội ở Malaixia gặp phải rất nhiều trở ngại và khó có thể thực hiện được một số mục tiêu đề ra trong OPP3 và NMP. Chính phủ Malaixia sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn khi thực hiện mục tiêu nâng cao sở hữu vốn cổ phần của người Mã Lai thông qua các chính sách phân phối bằng can thiệp như đã thực hiện trong những năm 1970-1986. Thực hiện công bằng xã hội trong giai đoạn hiện nay chỉ có thể thành công khi nhà nước triển khai các giải pháp tổng thể, với việc tập trung vào một trong các căn nguyên chủ yếu chính là phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là tập trung vào các nhóm người, cộng đồng tộc người bất lợi thế trong xã hội. Đây là một nhiệm vụ không dễ thực hiện trong một hay hai thập kỷ sắp tới./.

công bằng: kinh nghiệm của Malaixia, bài viết trình bày tại Hội Nghị Quốc Tế về "Tác động tương hỗ vì sự phát triển: đường lối đổi mới của Việt Nam và kinh nghiệm của ASEAN" Hà Nội, 8 - 1991.

2. H.Osman-Rani, *Economic development and ethnic integration: the Malaysian experience*, Sojourn Vol 5, No 1.
3. Nhiều tác giả, *Liên bang Malaixia, lịch sử văn hoá và những vấn đề hiện đại*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1998.
4. *Kế hoạch cho tương lai lần thứ ba* (Third Outline Perspective Plan - OPP3), Economic planning Unit- Prime Minister's Department, Kuala Lumpur, 2000
5. *Kế hoạch Malaixia lần thứ 8* (Eighth Malaysia Plan) 2001-2005, Economic planning Unit- Prime Minister's Department, Kuala Lumpur, 2001.
6. *Kế hoạch Malaixia lần thứ 9* (Ninth Malaysia Plan) 2006-2010, Economic planning Unit- Prime Minister's Department, Kuala Lumpur, 2006.
7. *ASEAN Economic Bulletin*, Vol 24 No 1, 4-2007, Institution of Southeast Asian Studies, Singapore, 2007.
8. *ASEAN Economic Bulletin*, Vol 23 No 1, 4-2006, Institution of Southeast Asian Studies, Singapore, 2006.
9. *ASEAN Economic Bulletin*, Vol 23 No 3, 12-2006, Institution of Southeast Asian Studies, Singapore, 2006.
10. Lê Bộ Lĩnh, *Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở một số nước Châu Á và Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
11. Dương Phú Hiệp (chủ biên), *Phân hoá giàu nghèo ở một số quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998.
12. *Các bản tin kinh tế, tài liệu tham khảo*. Thông tấn xã Việt Nam, các số năm 2006 và 2007.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abdullah Mohd Tahir, *Phát triển trong sự*